TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 10-01-2025
V/v: tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc: tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 07/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 29/11/2024 và Thông báo dời ngày xét xử số: 03/TB-TA, ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị Ánh Ng, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có ủy quyền

- *Người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị Ánh Ng:* Bà Kim Thị Đa N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Có đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn*: Bà Thạch Thị M, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

- *Người người làm chứng:*

Bà Thạch Thị H, sinh năm 1966.

Bà Thạch Thị Sa Ph, sinh năm 1981.

Bà Thạch Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Dương Thị D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp Ô Đ, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1972.

Bà Lâm Thị H, sinh năm 1960.

Bà Thạch Thị Th sinh năm 1973.

Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1974.

Bà Thạch Thị Th, sinh năm 1979.

Bà Thạch Thị Sa V, sinh năm 1977.

Ông Thạch M, sinh năm 1961.

Bà Thạch Thị Nh, sinh năm 1988.

Bà Thạch Thị L, sinh năm 1979.

Bà Thạch Thị C, sinh năm 1979;

Bà Vương Kim H, sinh năm 1965.

Bà Thạch Thị Kim A, sinh năm 1978.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1973.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2023 (loại hụi 3.000.000đ/phần), lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Ánh Ng và người đại diện của bà Nguyệt là bà Kim Thị Đa N trình bày, yêu cầu:

Trong năm 2019 dl, bà mở nhiều dây hụi do bà làm đầu thảo, thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng có giao danh sách hụi cho các hụi viên, hình thức khui hụi là hụi viên nào bỏ thăm cao nhất thì hốt hụi, sau khi hốt hụi đầu thảo đi gom tiền hụi của các hụi viên. Trong đó: dây hụi khui ngày 25/12/2019 dl, loại hụi 3.000.000đ/phần, gồm 15 phần, 12 hụi viên, lần khui hụi đầu tiên vào ngày 25/12/2019 dl, mãn hụi ngày 25/7/2020, nửa tháng khui 01 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng hoa hồng 900.000đ/lần khui hụi, bà Thạch Thị M tham gia 05 dây gồm: Các dây 01, 02, 03, 06 và dây 17. Cụ thể:

Dây 01, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 06, kêu 1.990.000đ, hốt được 23.190.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 10, từ lần khui thứ 11 thì không đóng, bà choàng hụi cho bà Mẫn 05 lần x 3000.000đ/lần = 15.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *15.000.000đ* này theo đơn khởi kiện.

Dây 02, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 03, kêu 1.990.000đ, hốt được 17.220.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 10, từ lần khui thứ 11 thì không đóng, bà choàng hụi cho bà Mẫn 05 lần x

3000.000đ/lần = 15.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 04 lần, nên bà chỉ yêu cầu bà M trả 04 lần x 3000.000đ = *12.000.000đ*, đối với 01 lần 3000.000đ tại đơn khởi kiện thì bà rút yêu cầu.

Dây 03, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 05, kêu 1.980.000đ, hốt được 21.300.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 10, từ lần khui thứ 11 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 05 lần x 3000.000đ/lần = 15.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 03 lần, nên bà chỉ yêu cầu bà M trả 03 lần x 3000.000đ = *9.000.000đ*, đối với 02 lần x 6000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 06, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 06, kêu 1.920.000đ, hốt được số tiền 23.820.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 10, từ lần khui thứ 11 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 05 lần x 3000.000đ/lần = 15.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *15.000.000đ* này theo đơn khởi kiện.

Dây 17, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 05, kêu 1.930.000đ, hốt được 21.800.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 11, từ lần khui thứ 12 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà Mẫn 04 lần x 3000.000đ/lần = 12.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 03 lần, nên bà chỉ yêu cầu bà M trả 03 lần x 3000.000đ = *9.000.000đ*, đối với 01 lần x 3000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2023 (loại hụi 2.000.000đ/phần), lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Ánh Ng trình bày, yêu cầu:

Trong năm 2019 dl, bà mở nhiều dây hụi do bà làm đầu thảo, thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng có giao danh sách hụi cho các hụi viên, hình thức khui hụi là hụi viên nào bỏ thăm cao nhất thì hốt hụi, sau khi hốt hụi đầu thảo đi gom tiền hụi của các hụi viên. Trong đó: dây hụi khui ngày 25/11/2019 dl, loại hụi 2.000.000đ/phần, gồm 15 phần, 12 hụi viên, lần khui hụi đầu tiên vào ngày 25/11/2019 dl, mãn hụi ngày 25/6/2020, nửa tháng khui 01 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng hoa hồng 600.000đ/lần khui hụi, bà Thạch Thị M tham gia 29 dây gồm: Các dây 01, 02, 03, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12 và các dây 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 30. Cụ thể:

Dây 01, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 08, kêu 1.110.000đ, hốt được 19.630.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 02, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 07, kêu 1.190.000đ, hốt được 17.880.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà Mẫn 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 01 lần x 2.000.000đ = 2.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *2.000.000đ* này, đối với 02 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 03, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 05, kêu 1.090.000đ, hốt được 20.500.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 01 lần x 2.000.000đ = 2.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *2.000.000đ* này, đối với 02 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 04, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 08, kêu 1.210.000đ, hốt được 18.930.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 05, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 02, kêu 1.090.000đ, hốt được 13.230.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà Mẫn 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 01 lần x 2.000.000đ = 2.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *2.000.000đ* này, đối với 02 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 06, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 07, kêu 1.360.000đ, hốt được 17.520.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 07, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 02, kêu 1.090.000đ, hốt được 13.230.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 08, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 05, kêu 1.190.000đ, hốt được 15.500.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 09, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 06, kêu 1.240.000đ, hốt được 16.240.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 10, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 05, kêu 1.190.000đ, hốt được 15.500.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà Mẫn đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà Mẫn 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà Mẫn trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 11, bà Mẫn tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 06, kêu 1.270.000đ, hốt được 15.970.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà Mẫn nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 12, bà M tham gia 02 phần, hốt ở lần khui thứ 02 (01 phần), kêu 1.030.000đ, hốt được 14.010.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền và hốt ở lần khui thứ 09 (01 phần), kêu 980.000đ, hốt được 22.460.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M {(03 lần x 2.000.000đ/lần) x 2 phần = 12.000.000đ} và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà Mẫn trả tiền hụi *12.000.000đ* này.

Dây 13, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 02, kêu 1.010.000đ, hốt được 14.270.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 14, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 08, kêu 1.130.000đ, hốt được 19.490.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 15, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 04, kêu 1.140.000đ, hốt được 14.860.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 16, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 07, kêu 1.310.000đ, hốt được 16.920.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 17, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 06, kêu 1.270.000đ, hốt được 15.970.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 18, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 04, kêu 1.140.000đ, hốt được 14.860.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 19, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 09, kêu 990.000đ, hốt được 21.460.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 20, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 09, kêu 990.000đ, hốt được 21.460.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 21, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 01, kêu 600.000đ, hốt được 19.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 22, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 01, kêu 600.000đ, hốt được 19.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà Mẫn 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 23, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 10, kêu 930.000đ, hốt được 22.750.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 24, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 06, kêu 1.270.000đ, hốt được 15.970.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 25, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 11, kêu 860.000đ, hốt được 23.960.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 26, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 04, kêu 1.150.000đ, hốt được 14.750.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 27, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 02, kêu 960.000đ, hốt được 14.920.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 28, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 03, kêu 1.100.000đ, hốt được 14.200.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ và có các hụi viên tham gia chung xác nhận nên bà yêu cầu bà M trả tiền hụi *6.000.000đ* này.

Dây 30, bà M tham gia 01 phần, hốt ở lần khui thứ 03, kêu 1.100.000đ, hốt được 14.200.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 12, từ lần khui thứ 13 thì không đóng nên bà choàng hụi cho bà M 03 lần x 2.000.000đ/lần = 6.000.000đ, nhưng các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận 02 lần x 2.000.000đ = 4.000.000đ nên bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi *4.000.000đ* này, đối với 01 lần x 2.000.000đ tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Tại Quyết định số 06/2024/QĐ-TA ngày 18/3/2024, xét thấy cần nhập hai vụ án đã thụ lý riêng biệt có cùng yêu cầu khởi kiện đối với cùng một cá nhân (bị đơn), căn cứ vào Điều 42 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã nhập hai vụ án để giải quyết chung trong cùng một vụ án.

Như vậy tổng số tiền hụi bà Ng yêu cầu bà M trả trong dây hụi khui ngày 25/12/2019 dl, loại hụi 3.000.000đ/phần là 60.000.000đ và trong các dây hụi khui ngày 25/11/2019 dl, loại hụi 2.000.000đ/phần là 148.000.000đ. Đối với số tiền còn lại chênh lệch so với đơn khởi kiện ban đầu 15.000.000đ (trong dây hụi khui ngày 25/12/2019 dl, loại hụi 3.000.000đ/phần) và 32.000.000đ (trong dây hụi khui ngày 25/11/2019 dl, loại hụi 2.000.000đ/phần) bà yêu cầu rút lại và bà cũng không yêu cầu tiền lãi hụi. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

- Tại biên bản hòa giải ngày 27/12/2023, bị đơn bà Thạch Thị M trình bày cho rằng: bà thừa nhận có tham gia nhiều phần hụi trong nhiều dây hụi do bà Ng làm đầu thảo và tham gia nhiều người khác làm đầu thảo, nhưng do tham gia nhiều nhiều dây, hốt nhiều dây và của nhiều đầu thảo khác nhau, các danh sách hụi viên mà các đầu thảo giao bà làm thất lạc mất hết nên không còn nhớ đã hốt các dây hụi nào và cũng không nhớ còn thiếu tiền hụi chết của bà Nguyệt và các đầu thảo khác là bao nhiêu.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án đối với thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng phía nguyên đơn chấp hành có mặt theo các thông báo, triệu tập và có đề nghị xét xử vắng mặt, riêng bị đơn thì vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, qua phân tích, đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ, Vị Kiểm sát viên cho rằng: theo đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi

trong dây hụi 3.000.000đ/phần là 75.000.000đ và trong dây hụi 2.000.000đ/phần là 180.000.000đ, nhưng quá trình giải quyết vụ án do các hụi viên tham gia chung chỉ xác nhận một phần, với số tiền là 60.000.000đ (dây hụi 3.000.000đ/phần) và số tiền 148.000.000đ (dây hụi 2.000.000đ/phần). Nhận thấy, sự xác nhận của một số hụi viên cùng tham gia chung là đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà M trả cho bà Ng tiền hụi tổng cộng: 208.000.000đ, đối với phần mà nguyên đơn rút lại của hai dây hụi là 47.000.000đ (15.000.000đ+32.000.000đ), không yêu cầu trả thì đề nghị đình chỉ theo quy định; về án phí đề nghị buộc bị đơn chịu toàn bộ và trả lại tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bị đơn và một số người tham gia tố tụng khác là vắng mặt đến lần thứ hai không ly do, không đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, đối với nguyên đơn và một số người tham gia tố tụng còn lại thì có đề nghị xét xử vắng mặt. Nhận thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, căn cứ vào điều 227, 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện của bà Ng ngày 23/5//2023, bà yêu cầu bà M trả tiền hụi tổng cộng 255.000.000đ, là tiền hụi sống của các hụi viên mà bà Mẫn đã hốt nhưng không đóng lại của các dây hụi khui ngày 25/12/2019 dl (loại hụi 3.000.000đ/phần), với số tiền 75.000.000đ và trong dây hụi khui ngày 25/11/2019 dl (loại hụi 2.000.000đ/phần), với số tiền 180.000.000đ. Nhận thấy: qua các lời trình bày của bà Ng, người đại diện hợp pháp của bà Ng và xác nhận của các hụi viên cùng tham gia trong các dây hụi, các danh sách hụi viên tham gia và kết quả giải quyết một số vụ án có liên quan các dây hụi thể hiện bà M còn thiếu tiền hụi bà Ng của dây hụi khui ngày 25/12/2019 dl (loại hụi 3.000.000đ/phần), số tiền 60.000.000đ và của dây hụi khui ngày 25/11/2019 dl (loại hụi 2.000.000đ/phần), số tiền 148.000.000đ (bút lục từ 44 – 76; từ lúc lục 113 – 135 và từ bút lục 186 – 195). Qua đó có cơ sở xác định việc bà Ng làm đầu thảo hụi và có sự tham gia của các hụi viên trong đó có bà M trong các dây hụi nêu trên là có thật, đối với bà M vắng mặt tại các phiên tòa nhưng cũng thừa nhận tại phiên hòa giải ngày 27/12/2023 và bà không có đưa ra yêu cầu phản tố hoặc văn bản phản đối về yêu cầu khởi kiện của bà Ng, nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ng đối với tiền hụi 60.000.000đ và 148.000.000đ là đúng quy định.

[3] Đối với số tiền 15.000.000đ của dây hụi loại 3.000.000đ/phần và 32.000.000đ của dây hụi loại 2.000.000đ/phần chênh lệch so với đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu. Nhận thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên có căn cứ đình chỉ xét xử theo điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và đương sự không phải chịu tiền án phí phần đã rút, đương sự được quyền

khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như nêu trên, nên có căn cứ chấp nhận

[5] Về án phí: căn cứ vào điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định, buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường và khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Ánh Ng.

Buộc bà Thạch Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Sơn Thị Ánh Ng tiền hụi tổng cộng: 208.000.000 đồng (*bằng chữ:* hai trăm lẻ tám triệu đồng). Trong đó: trong dây hụi khui ngày 25/12/2019 dl, loại hụi 3.000.000đ/phần, số tiền 60.000.000 đồng và trong dây hụi khui ngày 25/11/2019 dl, loại hụi 2.000.000đ/phần, số tiền 148.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 47.000.000 đồng (15.000.000đ + 32.000.000đ) mà nguyên đơn rút yêu cầu, đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Thạch Thị M có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 10.400.000 đồng.

Trả lại bà Sơn Thị Ánh Ng tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.875.000 đồng, theo biên lai thu tiền số : 0019867 và tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000 đồng, biên lai thu tiền số : 0019868 cùng ngày 20/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga